

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6- ĐỒNG THÁP
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2025

“V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Kiều

Ông Lê Hữu Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6- Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Đ T, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số , đường , Khóm 1, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Số , đường , Khóm 10, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông Võ Đ T có mặt tại phiên tòa, bà Đoàn Thị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn ông Võ Đ T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N kết hôn với nhau năm 2000. Ông bà đăng ký kết hôn ngày 09/6/2004, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận kết hôn số 121. Thời gian đầu mới kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly thân khoảng 8 năm nay, trong thời gian sống xa nhau vợ chồng không có hàn gắn lại tình cảm gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được. Nay ông Võ Đ T yêu cầu được ly hôn với bà Đoàn Thị N.

- **Về con chung:** ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N có 01 con chung tên Võ Đoàn Mỹ Đ, sinh ngày 06/8/2004. Hiện nay con chung Võ Đoàn Mỹ Đ đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Đoàn Thị N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc yêu cầu ly hôn với ông Võ Đ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Võ Đ T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà Đoàn Thị N có địa chỉ: Số , đường, Khóm 10, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6- Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án nhân dân khu vực 6- Đồng Tháp đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đoàn Thị N nhưng bà không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Đoàn Thị N.

[4] *Về nội dung:* Xét quan hệ hôn nhân của ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N đăng ký kết hôn tại Ủy Ban nhân dân thị trấn Hồng Ngự, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp ngày 09/6/2004, theo giấy chứng nhận kết hôn số 121 nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, ông Võ Đ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu được ly hôn với bà Đoàn Thị N.

Theo ông Võ Đ T trình bày tại phiên tòa, cuộc sống hôn nhân ban đầu hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên vợ chồng

đã ly thân khoảng 8 năm nay, trong thời gian sống xa nhau vợ chồng không có hàn gắn lại tình cảm gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông Võ Đ T yêu cầu được ly hôn với bà Đoàn Thị N.

Đối với bà Đoàn Thị N, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ, gửi các văn bản tố tụng nhưng bà từ chối nhận văn bản và vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến đến Tòa án. Điều này chứng tỏ bà bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình..

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận thấy: hôn nhân của ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Đ T.

[4] Về con chung: ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N có con chung tên Võ Đoàn Mỹ Đ, sinh ngày 06/8/2004. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: ông Võ Đ T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà ông đã nộp, nên ông đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đ T. Ông Võ Đ T được ly hôn bà Đoàn Thị N.

2. Về con chung: ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N có con chung tên Võ Đoàn Mỹ Đ, sinh ngày 06/8/2004. Hiện nay con chung đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N không có không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: ông Võ Đ T và bà Đoàn Thị N không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: ông Võ Đ T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng ông đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000187 ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. ông Võ Đ T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: ông Võ Đ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đoàn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- Đường sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thanh Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Văn Kiều – Nguyễn Viết Thanh

Lê Thanh Mai

